

GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT CỦA TÒA ÁN MALAYSIA VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

LẠI ĐỨC ANH*

Giải thích pháp luật của Tòa án giữ vai trò cốt lõi trong việc bảo đảm pháp luật được áp dụng một cách nhất quán, công bằng và thích ứng với bối cảnh xã hội đang thay đổi. Bài viết khảo sát thực tiễn giải thích pháp luật của Tòa án dân sự Malaysia, đặc biệt là các phương pháp và lập luận được hình thành qua án lệ, qua đó, rút ra những kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng và tính thống nhất trong giải thích pháp luật tại Việt Nam.

Từ khóa: Giải thích pháp luật; phương pháp mục đích; án lệ; tư duy hiến pháp; Malaysia; Việt Nam.

Legal interpretation by Courts plays a crucial role in ensuring that the law is applied consistently, fairly, and in a manner that adapts to changing social contexts. This article examines the practice of legal interpretation by the Malaysian Civil Courts, with particular emphasis on the methods and reasoning developed through case law. From this examination, valuable lessons are drawn to enhance the quality and consistency of legal interpretation in Vietnam.

Keywords: Legal interpretation; purposive method; case law; constitutional reasoning; Malaysia; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 23/7/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 06/9/2025

NGÀY DUYỆT: 18/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.356.2025.1304>

1. Đặt vấn đề

Giải thích pháp luật là một trong những chức năng quan trọng bậc nhất của Tòa án trong nhà nước pháp quyền hiện đại. Khi pháp luật ngày càng trở nên phức tạp và đối diện với những tình huống pháp lý chưa được tiên liệu, vai trò của thẩm phán không chỉ là “người áp dụng” mà còn là “người kiến tạo” ý nghĩa pháp luật thông qua hoạt động diễn giải. Trong bối cảnh đó, phương pháp giải thích pháp luật mà Tòa án áp dụng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xét xử, khả năng bảo vệ quyền con người và mức độ ổn định, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia theo “mô hình common law” đã phát triển nền tư pháp năng động và độc lập dựa trên hệ thống án lệ và kỹ thuật giải thích pháp luật tiên tiến. Trong số đó, Malaysia là một ví dụ điển hình. Nhiều án lệ quan trọng tại Malaysia đã góp phần định hình ranh giới giữa các thiết chế công quyền, xử lý xung đột pháp lý và mở rộng quyền hiến định cho cá nhân, tất cả đều được thực hiện thông qua hoạt động giải thích pháp luật theo hướng mục đích và hợp hiến.

* ThS, Công ty TNHH Hùng Đông

2. Thực tiễn giải thích pháp luật của Tòa án tại Malaysia

Malaysia có hệ thống tòa án theo mô hình thông luật Anh (common law) với cơ cấu phân tầng chặt chẽ. Hệ thống tòa dân sự, gồm: các Tòa cấp thấp (Magistrates' Courts), Tòa cấp cao hơn (Sessions Courts), tiếp đến là Tòa Thượng thẩm (High Court), Tòa Phúc thẩm (Court of Appeal) và cao nhất là Tòa Liên bang (Federal Court). Trong mô hình này, nguyên tắc án lệ (stare decisis) được đề cao: các tòa án cấp dưới phải tuân thủ những quyết định pháp lý của tòa cấp trên để bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, án lệ không bất biến; Tòa án Liên bang Malaysia (tòa tối cao) có thẩm quyền xét lại và hủy bỏ tiền lệ nếu nhận thấy án lệ cũ sai hoặc không còn phù hợp. Việc phá bỏ tiền lệ được thực hiện thận trọng, chỉ khi cần thiết cho sự phát triển công lý. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật Malaysia vừa giữ được tính nhất quán nhờ án lệ, vừa có sự linh hoạt để thích ứng với hoàn cảnh mới.

Về phương pháp giải thích pháp luật, các tòa án Malaysia sử dụng kết hợp nhiều cách tiếp cận, trong đó nổi bật là giải thích theo văn bản, giải thích theo mục đích và giải thích theo bối cảnh. Phương pháp giải thích theo văn bản đề cao tính minh bạch và tính dự đoán của pháp luật. Ở Malaysia, giải thích theo văn bản luôn là điểm xuất phát nền tảng; Tòa án tôn trọng ý chí rõ ràng của Quốc hội, chỉ khi văn bản bất cập hoặc mơ hồ họ mới chuyển sang phương pháp khác.

Xu hướng hiện đại trong tư pháp Malaysia là ưu tiên giải thích theo mục đích nhằm bảo đảm luật được áp dụng phù hợp với ý định và mục tiêu mà cơ quan lập pháp hướng tới. Phương pháp này yêu cầu thẩm phán tự hỏi: “Quốc hội làm luật này để làm gì? Vấn đề nào luật muốn giải quyết?”. Malaysia đã chính thức luật hóa khuynh hướng này: Điều 17A *Đạo luật Diễn giải* năm 1948 và năm 1967 quy định khi giải thích, Tòa án “phải áp dụng

cách hiểu thúc đẩy mục đích hoặc đối tượng của đạo luật (dù mục đích, đối tượng đó có được nêu rõ trong luật hay không)”. Quy định này khẳng định, nếu một văn bản có thể hiểu theo nhiều cách, tòa án phải chọn cách nào phù hợp nhất với mục tiêu của Quốc hội.

Thực tiễn cho thấy, các thẩm phán Malaysia ngày càng đề cao giải thích theo mục đích. Khi theo đuổi mục đích lập pháp, thẩm phán Malaysia cũng tham chiếu các nguồn bên ngoài văn bản nhằm hiểu rõ bối cảnh và mục tiêu ban hành luật. Bằng phương pháp giải thích theo mục đích, Tòa án Malaysia đã bảo vệ được quyền lợi chính đáng của bên yếu thế (người lao động) và thực thi đúng tinh thần cải cách xã hội của pháp luật.

Thẩm phán Malaysia khi giải thích không tách rời điều luật khỏi hệ thống. Việc đặt điều luật vào cấu trúc toàn bộ văn bản giúp tránh cách hiểu sai lệch khi một câu chữ đứng riêng lẻ có thể mơ hồ hoặc thiếu rõ ràng. Đặc biệt, trong lĩnh vực *Hiến pháp*, Tòa án Liên bang Malaysia chủ trương cách đọc “phóng khoáng, tiến hóa”, tức giải thích *Hiến pháp* theo tinh thần cởi mở, cập nhật với giá trị phổ quát và hoàn cảnh hiện đại, thay vì dựa vào nghĩa từ ngữ tại thời điểm năm 1957 khi *Hiến pháp* được ban hành. Nhờ đó, đối mặt với các vấn đề mới nảy sinh (như quyền con người, công nghệ,...), Tòa án có thể thích ứng cách hiểu để vừa trung thành với văn bản, vừa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Những phương pháp kể trên được vận dụng nhuần nhuyễn và kết hợp linh hoạt trong thực tiễn xét xử tại Malaysia. Nhiều án lệ quan trọng đã minh họa cho “nghệ thuật” giải thích pháp luật của Tòa án Malaysia ở cả tầm vi mô và vĩ mô. Một ví dụ tiêu biểu là vụ *Semenyih Jaya* (năm 2017): Tòa án Liên bang Malaysia đã “đọc lại” *Hiến pháp* để bảo vệ giá trị nền tảng, thay vì phục tùng nghĩa đen của sửa đổi có động cơ chính trị. Phán quyết *Semenyih Jaya* đã đặt nền móng cho án lệ

Indira Gandhi (năm 2018) ngay sau đó, trong đó Tòa Liên bang tiếp tục khẳng định quyền tư pháp và quyền giám sát *Hiến pháp* của Tòa là bất khả xâm phạm. Vụ Indira Gandhi liên quan đến xung đột giữa thẩm quyền Tòa dân sự và Tòa Hồi giáo về vấn đề cải đạo của trẻ em nhưng điều đáng nói là Tòa án Liên bang đã sử dụng triệt để phương pháp giải thích theo mục đích kết hợp nguyên tắc hiến định để đưa ra phán quyết. Cụ thể, Tòa diễn giải Điều 12 (4) *Hiến pháp* (quy định “cha hoặc mẹ” có quyền quyết định tôn giáo của trẻ dưới 18) theo nghĩa rộng: thuật ngữ “parent” phải hiểu là cả cha và mẹ cùng đồng thuận thì mới được đổi tôn giáo của con. Quy định này được Tòa án biện minh nhằm bảo vệ được quyền bình đẳng của cả cha lẫn mẹ - một giá trị được *Hiến pháp* đề cao. Đồng thời, Tòa Liên bang trong vụ Indira còn tái khẳng định giới hạn của Điều 121(1A) *Hiến pháp* (điều khoản về thẩm quyền Tòa Syariah): Tòa nhấn mạnh nếu hiểu Điều 121(1A) theo cách loại trừ hoàn toàn quyền tư pháp của Tòa án dân sự thì cách hiểu đó là sai và quy định này thậm chí sẽ vô hiệu vì vi hiến do vi phạm cấu trúc cơ bản của *Hiến pháp*. Tuyên bố này cho thấy, Tòa án Malaysia sẵn sàng bảo vệ tối đa nguyên tắc pháp quyền và trật tự hiến định bằng công cụ giải thích luật, kể cả phải vô hiệu hóa một quy định có cấp độ hiến pháp nếu bị diễn giải sai lệch mục đích ban đầu.

3. Các quy định và thực trạng giải thích pháp luật của Tòa án ở Việt Nam hiện nay

Hoạt động giải thích pháp luật ở Việt Nam có nguồn gốc từ quá trình xây dựng hệ thống pháp luật và lập hiến, phản ánh sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ *Hiến pháp* năm 1959, khái niệm giải thích pháp luật đã được đề cập. Qua các bản *Hiến pháp* sau đó (1980, 1992 và 2013), thẩm quyền giải thích pháp luật được điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển của hệ thống chính trị và pháp luật. *Hiến pháp* năm 1980 tiếp tục khẳng định vai trò của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội trong việc giải thích pháp luật, nhưng đến *Hiến pháp* năm 1992, chức năng này được làm rõ hơn, tập trung vào các văn bản pháp luật cấp cao, như: *Hiến pháp*, luật và pháp lệnh. *Hiến pháp* năm 2013 đánh dấu bước tiến quan trọng khi quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 74: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ giải thích *Hiến pháp*, luật, pháp lệnh”. Điều này thể hiện sự thu hẹp phạm vi giải thích nhằm bảo đảm tính thống nhất và chuyên sâu trong việc làm rõ các quy định pháp luật quan trọng.

Ngoài *Hiến pháp*, khung pháp lý về giải thích pháp luật đã được cụ thể hóa qua các văn bản luật quan trọng. *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025 (thông qua ngày 20/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) đã quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự và thủ tục giải thích pháp luật. Theo khoản 1 Điều 80 *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thẩm quyền “ban hành nghị quyết để giải thích *Hiến pháp*, luật và pháp lệnh nhằm làm sáng tỏ tinh thần và nội dung của các quy định pháp luật, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng”. Trình tự giải thích được quy định từ Điều 80 - 85, bao gồm các bước: tiếp nhận đề nghị giải thích, thẩm tra nội dung, ban hành nghị quyết và công bố công khai.

Một bước tiến khác trong lịch sử lập pháp là sự mở rộng vai trò của Tòa án Nhân dân trong hoạt động giải thích pháp luật. *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2014 đã đặt nền móng và *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2024 quy định tại khoản 3 Điều 22, Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ “giải thích áp dụng pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc”. Đây là sự thay đổi đáng kể, phản ánh xu hướng tăng cường vai trò của cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Ở Việt Nam, thẩm quyền giải thích pháp luật được phân chia giữa hai cơ quan chính: Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Tòa án nhân dân tối cao, phản ánh sự kết hợp giữa cơ quan lập pháp và tư pháp trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hoạt động giải thích của Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn rất hạn chế. Tại Điều 81 *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025 liệt kê các chủ thể có quyền đề nghị giải thích nhưng cơ chế tiếp nhận và xử lý các đề nghị này chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc giải thích pháp luật chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn.

Theo khoản 3 Điều 22 *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ giải thích áp dụng pháp luật trong phạm vi xét xử. Hoạt động này được thực hiện thông qua các nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và công bố án lệ. Các án lệ, dù không được công nhận là nguồn luật chính thức trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong hệ thống Tòa án. Nội dung giải thích chưa toàn diện và cụ thể là một hạn chế đáng kể. Một số nghị quyết và án lệ còn chung chung, chưa giải quyết triệt để các vướng mắc thực tiễn.

Quy trình giải thích thiếu minh bạch và phối hợp là một hạn chế khác. Việc ban hành nghị quyết và án lệ đôi khi mang tính chủ quan, chưa dựa trên phản hồi đầy đủ từ thực tiễn hoặc ý kiến của các cơ quan như Ủy ban Thường vụ Quốc hội hay Viện Kiểm sát. Điều này có thể dẫn đến mâu thuẫn giữa hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và cách hiểu của các cơ quan khác, gây khó khăn trong tố tụng. Ví dụ, một số hướng dẫn về pháp luật hình sự của Tòa án nhân dân tối cao đã không đồng bộ với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Về tính quy phạm đối với các phương thức giải thích của Tòa án, các nghị quyết được ban hành để hướng dẫn thẩm phán

trong quá trình xét xử, từ việc xác định yếu tố cấu thành tội phạm, áp dụng hình phạt, đến giải quyết các tranh chấp dân sự, hành chính. Ví dụ, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng pháp luật trong các vụ án kinh tế, tham nhũng được các thẩm phán sử dụng để xử lý các vụ án như tham ô tài sản hoặc vi phạm quy định đấu thầu. Hiện nay, không có cơ quan chuyên trách giám sát nội dung các nghị quyết và án lệ, dẫn đến nguy cơ sai sót hoặc không phù hợp thực tiễn mà không được điều chỉnh kịp thời.

4. Những gợi mở cho Việt Nam

Thứ nhất, cần phát triển phương pháp giải thích pháp luật có tính mục đích thay vì chỉ chú trọng nghĩa đen của văn bản. Kinh nghiệm từ Malaysia cho thấy, việc đề cao ý chí lập pháp và mục tiêu xã hội của quy phạm sẽ giúp tòa án đưa ra cách hiểu phù hợp hơn với tinh thần pháp luật. Việt Nam có thể xem xét bổ sung các hướng dẫn hoặc quy định pháp lý về việc ưu tiên giải thích theo mục đích, tương tự như Điều 17A *Luật Diễn giải* của Malaysia. Khi thẩm phán được khuyến khích tìm hiểu mục đích ban hành luật và vấn đề mà luật muốn giải quyết, họ sẽ có thêm dư địa để lựa chọn cách hiểu công bằng, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn thay vì chỉ áp dụng máy móc. Điều này đặc biệt hữu ích trong bối cảnh nhiều đạo luật ở Việt Nam còn chung chung, cần Tòa án linh hoạt cụ thể hóa qua thực tiễn xét xử.

Thứ hai, cần tăng cường vai trò của án lệ trong hệ thống tòa án Việt Nam. Malaysia cho thấy nguyên tắc án lệ là công cụ quan trọng để bảo đảm sự ổn định và thống nhất của pháp luật. Ở Việt Nam, án lệ (hiểu là các quyết định giám đốc thẩm được Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn, công bố) đã bắt đầu hình thành trong những năm gần đây. Đây là bước tiến tích cực nhằm bổ khuyết cho hệ thống pháp luật thành văn, giúp thẩm phán có nguồn tham khảo khi gặp những vụ việc tương tự. Để phát huy hơn nữa vai trò án lệ,

Việt Nam cần tiếp tục xây dựng cơ chế lựa chọn, công bố án lệ một cách khoa học; đồng thời, khuyến khích các tòa cấp dưới mạnh dạn viện dẫn án lệ trong lập luận xét xử. Kinh nghiệm của Malaysia cũng cho thấy án lệ không nên cố định cứng nhắc và dám nhìn nhận lại các án lệ cũ khi không còn phù hợp. Ở Việt Nam, dù mô hình án lệ còn mới mẻ và chưa có quy định về việc “phá án lệ”, tư duy dám đổi mới các quan niệm pháp lý lạc hậu là rất cần thiết.

Thứ ba, kinh nghiệm Malaysia nhấn mạnh tầm quan trọng của tư duy giải thích linh hoạt để bảo vệ các nguyên tắc *Hiến pháp*. Tòa Liên bang của Malaysia cho thấy, sự kiên quyết bảo vệ nguyên tắc phân quyền và tính tối thượng của *Hiến pháp* thông qua công tác giải thích pháp luật. Tòa án dám diễn giải lại hoặc vô hiệu hóa những quy định (kể cả trong *Hiến pháp* hoặc luật, nếu bị hiểu theo cách làm suy giảm quyền tư pháp hoặc phương hại đến các quyền cơ bản. Đối với Việt Nam, mặc dù tòa án chưa được trao quyền tài phán hiến pháp (không có thẩm quyền tuyên luật vi hiến) nhưng vẫn có thể vận dụng việc giải thích luật theo tinh thần *Hiến pháp* như một phương thức gián tiếp bảo vệ các nguyên tắc hiến định. Cụ thể, khi xét xử, thẩm phán cần ưu tiên lựa chọn cách hiểu quy phạm phù hợp với *Hiến pháp* và điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

Song song đó, Việt Nam cũng có thể nghiên cứu thiết lập thiết chế tài phán hiến pháp hoặc trao cho tòa án quyền xem xét tính hợp hiến của văn bản dưới luật trong tương lai nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ *Hiến pháp*. Tư duy coi *Hiến pháp* là tối thượng phải thấm nhuần trong hoạt động xét xử. Có như vậy, Tòa án mới đủ khả năng kiểm soát các hành vi lạm quyền, bảo vệ quyền con người trước những vi phạm có thể được che đậy dưới danh nghĩa luật pháp. Kinh nghiệm Malaysia đã chứng minh rằng, sự độc lập và bản lĩnh của Tòa án trong giải thích pháp luật

là yếu tố then chốt giữ gìn cân bằng quyền lực và thượng tôn pháp luật. Việt Nam có thể học hỏi để xây dựng một nền tư pháp vừa tuân thủ pháp luật, vừa dũng cảm bảo vệ công lý và *Hiến pháp*.

5. Kết luận

Những phân tích trên cho thấy, việc tham khảo kinh nghiệm giải thích pháp luật của Tòa án Malaysia mang lại nhiều giá trị cho Việt Nam. Hệ thống tư pháp Malaysia, với truyền thống common law đã phát triển được những phương pháp diễn giải luật sinh động và hiệu quả, kết hợp hài hòa giữa tôn trọng văn bản với linh hoạt vì mục đích công bằng. Tòa án Malaysia không thụ động áp dụng luật mà luôn ý thức sứ mệnh bảo vệ công lý, bảo vệ *Hiến pháp* thông qua công tác diễn giải. Việc vận dụng các phương pháp giải thích pháp luật tiên tiến, tăng cường án lệ và đề cao tinh thần hiến định sẽ giúp Tòa án ở nước ta nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm pháp luật được áp dụng thống nhất, chính xác và nhân văn. Việc học hỏi từ kinh nghiệm tư pháp Malaysia sẽ giúp hoàn thiện tư duy pháp lý, góp phần xây dựng nền tư pháp Việt Nam hiện đại, gần với chuẩn mực quốc tế và đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của người dân trong Nhà nước pháp quyền □

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (1959, 2013). *Hiến pháp* năm 1959, 2013.
2. Quốc hội (2015, 2025). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015, 2025.
3. Quốc hội (2024). *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2024.
4. Courts of Judicature Act 1964; Subordinate Courts Act 1948.
5. Interpretation Acts 1948 & 1967 (Act 388, Malaysia).
6. Farid S. Shuaib. *The Islamic Legal System in Malaysia*. 21 Pac. Rim L. & Pol'y J. 85 (2012).
7. Indira Gandhi a/p Mutho v. *Pengarah JAJ Perak & Ors* [2018] MLJ (Federal Court).
8. Syarifah Nooraffyza Wan Hosen & Ors v. *Director of Jabatan Agama Islam Sarawak & Ors* (Federal Court, 2018).